

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

Hà Nội, tháng 08 năm 2019

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4
BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	5 - 6
CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG	7 - 8
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	9 - 10
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	11
LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG	12
BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU GIỮA NIÊN ĐỘ	13
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	14 - 33

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Bà Nguyễn Thị Thu Trang	Chủ tịch
Ông Ninh Quang Hải	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 19/04/2019)
Bà Nguyễn Thanh Thùy	Ủy viên
Ông Nguyễn Thanh Tuyền	Ủy viên
Ông Võ Quang Long	Ủy viên
Ông Cao Quốc Lâm	Ủy viên (bỏ nhiệm ngày 19/04/2019)

Ban Giám đốc

Ông Dương Kỳ Hiệp	Tổng Giám đốc
Ông Vũ Hoàng Minh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vĩnh Bảo Quốc	Phó Tổng Giám đốc thường trực

TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động, tình hình biến động vốn chủ sở hữu và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Tuân thủ chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán được ban hành kèm theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Thiết lập và áp dụng kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính được lập và trình bày tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán được ban hành kèm theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan. Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc,



Dương Kỳ Hiệp
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 07 tháng 08 năm 2019

Số: 116/2019/BCSX-AVI-TC1

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng quản trị và Ban giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam

Chúng tôi đã thực hiện soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam ("gọi tắt là Công ty") được lập ngày 07/08/2019 và được trình bày từ trang 05 đến trang 33 bao gồm Báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ tại ngày 30/06/2019, Báo cáo kết quả hoạt động riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán được ban hành kèm theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam tại ngày 30/06/2019 cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán được ban hành kèm theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày Báo cáo tài chính áp dụng cho công ty chứng khoán hoạt động tại Việt Nam.



Vũ Bình Minh
Tổng Giám đốc
Số Giấy chứng nhận ĐKHNKT 0034-2018-055-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN VIỆT
Hà Nội, ngày 07 tháng 08 năm 2019

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019

Mẫu số B01a - CTCK

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/06/2019	01/01/2019
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		128.888.568.449	166.516.848.106
I. Tài sản tài chính	110		120.352.399.495	158.451.139.388
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	111	5	12.293.070.379	14.271.981.868
1.1. Tiền	111.1		12.293.070.379	14.271.981.868
2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	112	7.1	22.554.661.974	15.558.667.974
3. Các khoản cho vay	114	7.2	53.454.366.697	84.160.414.277
4. Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	116	9	(15.653.881.756)	(15.649.252.638)
5. Các khoản phải thu	117	10	31.444.370.810	56.909.182.096
5.1. Phải thu bán các tài sản tài chính	117.1		31.156.159.630	56.896.839.630
5.2. Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	117.2		288.211.180	12.342.466
5.2.2. Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	117.4		288.211.180	12.342.466
6. Trả trước cho người bán	118	12	15.086.816.330	581.516.330
7. Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	119		219.365.600	1.649.317.709
8. Các khoản phải thu khác	122		8.253.795.418	8.269.477.729
9. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	129	8	(7.300.165.957)	(7.300.165.957)
II. Tài sản ngắn hạn khác	130		8.536.168.954	8.065.708.718
1. Tạm ứng	131		8.176.991.490	7.937.451.410
2. Chi phí trả trước ngắn hạn	133		359.177.464	128.257.308
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		61.385.202.530	57.813.130.566
I. Tài sản tài chính dài hạn	210		51.600.000.000	51.600.000.000
1. Các khoản phải thu dài hạn	211	11	50.700.000.000	50.700.000.000
2. Các khoản đầu tư	212		900.000.000	900.000.000
2.4. Đầu tư dài hạn khác	212.4		900.000.000	900.000.000
II. Tài sản cố định	220		5.093.642.720	1.789.681.859
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	2.591.693.623	417.650.552
- Nguyên giá	222		29.309.411.608	26.930.302.480
- Giá trị hao mòn lũy kế	223a		(26.717.717.985)	(26.512.651.928)
2. Tài sản cố định vô hình	227	14	2.501.949.097	1.372.031.307
- Nguyên giá	228		15.583.292.732	14.292.792.732
- Giá trị hao mòn lũy kế	229a		(13.081.343.635)	(12.920.761.425)
III. Tài sản dài hạn khác	250		4.691.559.810	4.423.448.707
1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	251		521.290.227	521.290.227
2. Chi phí trả trước dài hạn	252		712.760.067	806.673.607
3. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán	254	15	3.457.509.516	3.095.484.873
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		190.273.770.979	224.329.978.672

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019

MẪU SỐ B01a - CTCK

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/06/2019	01/01/2019
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		32.303.391.132	67.907.528.250
I. Nợ ngắn hạn	310		31.752.264.550	67.361.627.146
1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	311	19	8.300.000.000	42.287.018.842
1.1. Vay ngắn hạn	312		8.300.000.000	42.287.018.842
2. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	318		490.000	400.000
3. Phải trả người bán ngắn hạn	320	16	16.535.122.782	16.423.122.782
4. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	321		313.000.000	413.000.000
5. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	322	17	538.899.758	643.896.529
6. Phải trả người lao động	323		85.686.802	636.857.035
7. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	324		52.573.396	41.677.261
8. Chi phí phải trả ngắn hạn	325	18	1.033.498.096	1.630.694.220
9. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	327		166.461.396	166.461.396
10. Các khoản phải trả, phải nộp khác	329	20	4.228.547.595	4.423.314.356
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	331		497.984.725	695.184.725
II. Nợ phải trả dài hạn	340		551.126.582	545.901.104
1. Quỹ bảo vệ Nhà đầu tư	355		551.126.582	545.901.104
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		157.970.379.847	156.422.450.422
I. Vốn chủ sở hữu	410		157.970.379.847	156.422.450.422
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	23	150.000.000.000	150.000.000.000
1.1. Vốn góp của chủ sở hữu	411.1		150.000.000.000	150.000.000.000
a. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411.1a		150.000.000.000	150.000.000.000
2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	414	23	377.273.141	347.923.202
3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	415	23	399.216.843	369.866.904
4. Các Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	416	23	5.117.661.540	5.117.661.540
5. Lợi nhuận chưa phân phối	417	23	2.076.228.323	586.998.776
5.1 Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	417.1		4.702.302.718	8.187.178.781
5.2 Lợi nhuận chưa thực hiện	417.2		(2.626.074.395)	(7.600.180.005)
TỔNG NỢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU	440		190.273.770.979	224.329.978.672

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG

CHỈ TIÊU	Mã Số	Thuyết minh	30/06/2019	01/01/2019
			VND	VND
A. TÀI SẢN CỦA CTCK VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT				
1. Cổ phiếu đang lưu hành	006		15.000.000	15.000.000
2. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của CTCK	008	24.1	5.651.720.000	5.650.060.000
3. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của CTCK	009		1.420.000	1.420.000
4. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của CTCK	012	24.2	12.852.390.000	1.192.400.000
B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG				
1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư	021	24.3	2.882.043.690.000	2.155.090.800.000
a. Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	021.1		1.040.700.140.000	1.174.325.030.000
b. Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng	021.2		16.149.780.000	15.090.720.000
c. Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	021.3		1.824.075.900.000	961.328.030.000
d. Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	021.4		35.970.000	35.970.000
e. Tài sản tài chính chờ thanh toán	021.5		1.081.900.000	4.311.050.000
2. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	022	24.4	45.707.320.000	45.263.410.000
a. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	022.1		19.598.930.000	19.155.020.000
b. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng	022.2		7.100.000.000	7.100.000.000
c. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, cầm cố	022.3		19.008.390.000	19.008.390.000
3. Tiền gửi của khách hàng	026	24.5	36.791.610.333	28.271.272.342
3.1. Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	027		33.505.574.818	28.266.930.934
3.2. Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	028		2.908.163.200	4.341.408
3.3. Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán	030		377.872.315	-

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG

CHỈ TIÊU	Mã Số	Thuyết minh	30/06/2019	01/01/2019
			VND	VND
4. Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031	24.6	36.413.738.018	28.271.272.342
4.1. Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031.1		35.064.940.257	27.000.628.348
4.2. Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031.2		1.348.797.761	1.270.643.994
5. Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	035		377.872.315	-

Hà Nội, ngày 07 tháng 08 năm 2019

Người lập



Nguyễn Thị Hương Ly

Kế toán trưởng



Nguyễn Quỳnh Mai

Tổng Giám đốc



Dương Kỳ Hiệp

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

MẪU SỐ B02a - CTCK

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ so sánh
I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG				
1.1. Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	1		1.253.873.700	601.528.230
a. Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	01.1	25	288.585.600	120.545
c. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	01.3	27	965.288.100	601.407.685
1.2. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	3		3.149.003.852	3.541.578.948
1.3. Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	6		1.828.798.174	3.304.555.192
1.5. Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	9		600.102.977	485.806.459
1.6. Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	10		2.766.909.091	272.727.273
1.7. Thu nhập hoạt động khác	11		1.626.917.099	164.300.482
Cộng doanh thu hoạt động	20		11.225.604.893	8.370.496.584
II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG				
2.1. Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	21		(4.974.105.610)	363.082.810
b. Chênh lệch giảm đánh giá lại các TSTC FVTPL	21.2	26	(4.974.105.610)	363.082.810
2.2. Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay	24	26	4.978.734.728	2.285.118.867
2.3. Chi phí hoạt động tự doanh	26		-	3.000.000
2.4. Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	27		1.590.337.125	1.877.525.087
2.5. Chi phí nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	29		-	127.058.853
2.5. Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	30		531.200.456	465.400.346
2.6. Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	31		394.640.634	-
2.6. Chi phí các dịch vụ khác	32		733.161.948	566.649.185
Cộng chi phí hoạt động	40		3.253.969.281	5.687.835.148
III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
3.1. Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện	41		69.140	-
3.2. Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định	42		469.165.070	1.100.320.706
Cộng doanh thu hoạt động tài chính	50		469.234.210	1.100.320.706
IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH				
4.1. Chi phí lãi vay	52		1.538.161.033	1.777.735.480
Cộng chi phí tài chính	60		1.538.161.033	1.777.735.480
VI. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	62	28	5.359.447.452	4.943.649.606
VII. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG	70		1.543.261.337	(2.938.402.944)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

MẪU SỐ B02a - CTCK

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ so sánh
VIII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC				
8.1. Thu nhập khác	71		4.697.158	9.137.132
8.2. Chi phí khác	72		29.070	375.270.794
Cộng kết quả hoạt động khác	80		4.668.088	(366.133.662)
IX. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ	90		1.547.929.425	(3.304.536.606)
9.1. Lợi nhuận đã thực hiện	91		(3.426.176.185)	(2.941.453.796)
9.2. Lợi nhuận chưa thực hiện	92		4.974.105.610	(363.082.810)
X. CHI PHÍ THUẾ TNDN	100		-	-
10.1. Chi phí thuế TNDN hiện hành	100.1	29	-	-
10.2. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	100.2		-	-
XI. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN	200		1.547.929.425	(3.304.536.606)
XIII. THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG	500			
13.1. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Đồng/1 cổ phiếu)	501	30	103	(220)

Hà Nội, ngày 07 tháng 08 năm 2019

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Nguyễn Thị Hương Ly

Nguyễn Quỳnh Mai

Đương Kỳ Hiệp

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

MẪU SỐ B03a - CTCK

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Kỳ này	Kỳ so sánh
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền đã chi mua các tài sản tài chính	01	(337.283.854.726)	(286.355.411.377)
2. Tiền đã thu từ bán các tài sản tài chính	02	372.910.665.895	255.642.660.186
3. Tiền chi nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	03	(207.028.683)	(486.720.412)
4. Cổ tức đã nhận	04	965.282.100	603.835.300
5. Tiền lãi đã thu	05	3.166.077.725	4.735.053.041
6. Tiền chi trả lãi vay cho hoạt động của CTCK	06	(1.631.967.595)	(1.760.142.848)
7. Tiền chi trả Tổ chức cung cấp dịch vụ cho CTCK	07	(3.441.778.877)	(4.142.354.800)
8. Tiền chi trả cho người lao động	08	(2.978.894.878)	(2.089.499.966)
9. Tiền chi nộp thuế liên quan đến hoạt động CTCK	09	(2.722.865.386)	(1.235.215.022)
10. Tiền chi thanh toán các chi phí cho hoạt động mua, bán các tài sản tài chính	10	-	(3.000.000)
11. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	11	198.998.811.409	170.123.403.412
12. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	12	(194.825.480.503)	(164.189.998.335)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	32.948.966.481	(29.157.390.821)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác	21	(3.140.859.128)	(30.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(3.140.859.128)	(30.000.000)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền vay gốc	33	36.652.260.205	8.950.000.000
1.1. Tiền vay khác	33.2	36.652.260.205	8.950.000.000
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(68.439.279.047)	(47.837.414.109)
2.1. Tiền chi trả gốc vay khác	34.3	(68.439.279.047)	(47.837.414.109)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(31.787.018.842)	(38.887.414.109)
IV. Tăng/giảm tiền thuần trong năm	50	(1.978.911.489)	(68.074.804.930)
V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	14.271.981.868	78.239.823.588
Tiền	61	14.271.981.868	78.239.823.588
VI. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	70	12.293.070.379	10.165.018.658
Tiền	71	12.293.070.379	10.165.018.658

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

Chi tiêu	Mã Số	Kỳ này	Kỳ so sánh
		VND	VND
I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng			
1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng	01	503.262.652.400	1.229.869.249.100
2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng	02	(825.007.301.259)	(1.783.982.840.727)
3. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	07	329.887.114.535	554.546.816.422
4. Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán	12	14.481.720.961	32.252.865.247
5. Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán	13	(14.103.848.646)	(31.824.268.510)
Tăng/giảm tiền thuần trong kỳ	20	8.520.337.991	861.821.532
II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng	30	28.271.272.342	41.207.618.149
Tiền gửi ngân hàng đầu năm:	31		
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	32	28.266.930.934	41.203.297.218
- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	34	4.341.408	4.320.931
III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ của khách hàng	40	36.791.610.333	42.069.439.681
Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ:	41		
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	42	33.505.574.818	41.636.517.217
- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	43	2.908.163.200	4.325.727
- Tiền gửi của tổ chức phát hành	45	377.872.315	428.596.737

Hà Nội, ngày 07 tháng 08 năm 2019

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Hương Ly



Nguyễn Quỳnh Mai



Dương Kỳ Hiệp

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

MẪU SỐ B04a - CTCK

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Số dư đầu kỳ		Số tăng/giảm				Số dư cuối kỳ	
	Tại 01/01/2018	Tại 01/01/2019	Kỳ so sánh		Kỳ này		Tại 30/06/2018	Tại 30/06/2019
			Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
I. Biến động vốn chủ sở hữu								
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	150.000.000.000	150.000.000.000	-	-	-	-	150.000.000.000	150.000.000.000
1.1. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	150.000.000.000	150.000.000.000	-	-	-	-	150.000.000.000	150.000.000.000
3. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	335.373.876	347.923.202	12.549.326	-	29.349.939	-	347.923.202	377.273.141
4. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	357.317.578	369.866.904	12.549.326	-	29.349.939	-	369.866.904	399.216.843
7. Các Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	4.992.168.282	5.117.661.540	125.493.258	-	-	-	5.117.661.540	5.117.661.540
8. Lợi nhuận chưa phân phối	250.986.516	586.998.776	205.351.818	3.760.874.940	4.974.105.610	3.484.876.063	(3.304.536.606)	2.076.228.323
8.1. Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	7.282.299.715	8.187.178.781	205.351.818	3.192.440.312	-	3.484.876.063	4.295.211.221	4.702.302.718
8.2. Lợi nhuận chưa thực hiện	(7.031.313.199)	(7.600.180.005)	-	568.434.628	4.974.105.610	-	(7.599.747.827)	(2.626.074.395)
Tổng cộng	155.935.846.252	156.422.450.422	355.943.728	3.760.874.940	5.032.805.488	3.484.876.063	152.530.915.040	157.970.379.847

Người lập

[Handwritten signature]

Nguyễn Thị Hương Ly

Kế toán trưởng

Handwritten signature

Nguyễn Quỳnh Mai

Hà Nội, ngày 07 tháng 08 năm 2019

Tổng Giám đốc



Dương Kỳ Hiệp

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán

Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập và hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 118/UBCK-GP ngày 15/09/2014 và Giấy phép điều chỉnh số 21/GPĐC-UBCK ngày 07/03/2018 do Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước cấp.

Địa chỉ liên hệ của Công ty:

Trụ sở chính: Tầng 3 - Số 59 Quang Trung - Phường Nguyễn Du - Quận Hai Bà Trưng - Hà Nội

Văn phòng tại Thành phố Hồ Chí Minh: Số 09 - Phố Nguyễn Công Trứ - Phường Nguyễn Thái Bình - Quận 1 - Thành phố Hồ Chí Minh

Điều lệ của Công ty: được ban hành ngày 15/09/2014 và sửa đổi lần 3 ngày 07/03/2018.

Đặc điểm hoạt động chính

Công ty hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán, bao gồm: Tư vấn đầu tư, môi giới chứng khoán và tự doanh chứng khoán. Vốn điều lệ của Công ty là 150 tỷ đồng.

Hạn chế đầu tư của Công ty chứng khoán: được thực hiện theo quy định tại Điều 44 Thông tư số 210/2012/TT-BTC ngày 30/11/2012 và Điều 14 Thông tư số 07/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ Tài chính và các quy định hiện hành về hạn chế đầu tư.

2. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND)

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng đối với Công ty chứng khoán

Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty chứng khoán do Bộ Tài chính ban hành kèm theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 sửa đổi bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210.

Tuyên bố về tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND) phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán được ban hành kèm theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Ước tính kế toán

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp, Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán được ban hành kèm theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán, bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán phản ánh số tiền của Công ty mở tại Ngân hàng chỉ định để sẵn sàng tham gia bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD).

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán và tiền gửi của tổ chức phát hành được phản ánh tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính.

Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ bao gồm các tài sản tài chính được nắm giữ cho mục đích kinh doanh, hoặc các tài sản tài chính xác định sẽ được trình bày hợp lý hơn nếu phân loại vào tài sản tài chính FVTPL.

Các tài sản tài chính FVTPL được trình bày theo giá gốc và được phản ánh theo giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý trên Báo cáo tình hình tài chính của Công ty. Chênh lệch do đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí từ tài sản FVTPL trên Báo cáo kết quả hoạt động của Công ty.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường hoàn hảo. Các khoản cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực. Khi có bất kỳ bằng chứng nào về sự suy giảm giá trị của các khoản cho vay, Công ty sẽ ghi nhận khoản dự phòng về suy giảm giá trị khoản cho vay vào Báo cáo kết quả hoạt động.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là: Các khoản cho vay và các khoản phải thu, Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn hoặc Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

Đánh giá lại các khoản đầu tư theo giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý

Giá trị thị trường/giá trị hợp lý của tài sản tài chính được xác định như sau:

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

- Giá thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội và Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá giá trị chứng khoán.
- Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UpCom) thì giá thị trường được xác định là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá giá trị chứng khoán.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập báo cáo tài chính gần nhất.
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UpCom) thì giá chứng khoán thực tế là mức giá giao dịch thực tế trên thị trường phi tập trung (OTC) tại thời điểm gần nhất nhưng không quá một tháng tính đến thời điểm đánh giá giá trị chứng khoán. Trường hợp chứng khoán không có giao dịch thực tế phát sinh trong khoảng thời gian trên thì không thực hiện đánh giá lại.

Dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính và tài sản nhận thế chấp

Phản ánh dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính là các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, tài sản tài chính sẵn sàng để bán và dự phòng giảm giá tài sản nhận thế chấp.

Khi có bất kỳ bằng chứng khách quan nào cho thấy sự giảm giá trị của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, tài sản tài chính sẵn sàng để bán, Công ty phải xác định giá trị của bất kỳ khoản lỗ do suy giảm giá trị của nhóm tài sản tài chính này và ghi nhận dự phòng suy giảm giá trị của các tài sản tài chính.

Mức lập dự phòng giảm giá tài sản nhận thế chấp được xác định bằng chênh lệch giữa giá trị tài sản thuần tính theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý và giá trị khoản cho vay tính theo giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý theo thỏa thuận hoặc cam kết tại Hợp đồng vay có tài sản thế chấp đã ghi nhận trên sổ kế toán tại ngày trích lập dự phòng.

Các khoản phải thu và Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu

Các khoản phải thu phản ánh tổng giá trị các khoản phải thu về bán tài sản tài chính, phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính tại thời điểm báo cáo.

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng phải thu, từng nội dung phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản trị của Công ty. Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại kể từ thời điểm báo cáo của các khoản phải thu để phân loại là phải thu dài hạn hoặc ngắn hạn.

Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu được trích lập phù hợp với quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

Tài sản cố định và khấu hao

Tài sản cố định được ghi nhận theo mô hình giá gốc trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản phù hợp với khung khấu hao quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Thời gian khấu hao cụ thể của các loại tài sản cố định như sau:

	Năm
Máy móc thiết bị	03 - 08
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 - 08
Phần mềm máy tính	03 - 08

Vay và nợ thuê tài chính

Các khoản vay và nợ thuê tài chính theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, từng hợp đồng vay, giấy nhận nợ, theo kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Các khoản có thời gian trả nợ còn lại trên 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo được trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm báo cáo được trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

Nợ phải trả

Nợ phải trả bao gồm: phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán, phải trả người bán, chi phí phải trả và các khoản phải trả khác.

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán phản ánh các khoản phải trả về các khoản phí hoạt động kinh doanh, dịch vụ chứng khoán cho Sở Giao dịch chứng khoán, Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD), phải trả đại lý phát hành chứng khoán.

Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả các tổ chức về mua các tài sản tài chính chưa niêm yết không qua các Sở Giao dịch chứng khoán; theo dõi thanh toán tại ngày T+0 của mua, bán tài sản tài chính qua các Sở Giao dịch chứng khoán và các khoản nợ phải trả cho nhà cung cấp vật tư, hàng hóa, dịch vụ theo hợp đồng kinh tế đã ký kết.

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về chi phí hoạt động của Công ty cho mục đích xác định đầy đủ chi phí hoạt động của kỳ kế toán do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, bao gồm: lãi tiền vay; chi phí giao dịch mua, bán các tài sản tài chính và chi phí hoạt động khác.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán. Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tồn thất có khả năng xảy ra, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

Doanh thu hoạt động

Doanh thu, thu nhập được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh, khi chắc chắn thu được lợi ích kinh tế được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản được quyền nhận không phân biệt đã thu tiền hay chưa thu được tiền.

Lãi lỗ từ bán các tài sản tài chính

Được xác định trên cơ sở khoản chênh lệch giữa giá bán và giá vốn các tài sản tài chính.

Cổ tức và tiền lãi phát sinh từ các tài sản tài chính

Cổ tức, lợi nhuận được chia phát sinh từ các tài sản tài chính được ghi nhận khi Công ty có quyền được quyền nhận cổ tức từ quyền sở hữu cổ phiếu đã được xác lập đối với các cổ phiếu trong danh mục tài sản tài chính của Công ty hình thành trước ngày không hưởng quyền và có Thông báo chia cổ tức của Tổ chức phát hành đã được xác lập. Cổ tức không được ghi nhận đối với các cổ phiếu giao dịch sau ngày không hưởng quyền. Đối với cổ phiếu thường chỉ ghi tăng số lượng cổ phiếu được hưởng mà không ghi tăng thu nhập.

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Tiền lãi phát sinh từ các tài sản tài chính của Công ty được ghi nhận trên cơ sở lãi dồn tích tính theo thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ kế toán.

Doanh thu dịch vụ cung cấp cho khách hàng

Doanh thu dịch vụ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện ghi nhận doanh thu dịch vụ quy định tại Chuẩn mực Doanh thu.

Doanh thu đã thực hiện được xác định trên cơ sở doanh thu thuần: Doanh thu ban đầu đã giảm trừ các khoản giảm trừ doanh thu (nếu có) phát sinh trong kỳ kế toán.

Doanh thu dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng được xác nhận là hoàn thành trên cơ sở đã được khách hàng thanh toán ngay bằng tiền hay chấp nhận thanh toán hoặc cam kết sẽ thanh toán (Ghi trên hợp đồng kinh tế hoặc các chứng từ liên quan khác) hoặc được khấu trừ vào tiền thu bán chứng khoán của khách hàng.

Doanh thu dịch vụ cung cấp cho khách hàng thực hiện trên các nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán mà Công ty được cấp phép hoạt động.

Doanh thu dịch vụ cung cấp cho khách hàng bao gồm:

- *Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán;*
- *Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán;*
- *Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán;*
- *Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính;*
- *Và thu nhập từ một số hoạt động khác.*

Chi phí hoạt động

Chi phí hoạt động phản ánh các khoản lỗ và chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính, hoạt động tự doanh và chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ.

Lỗ và chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính, hoạt động tự doanh phản ánh các khoản lỗ do bán các tài sản tài chính FVTPL, chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính FVTPL, chênh lệch giảm do đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL và các khoản lỗ, tổn thất về các tài sản tài chính thuộc Danh mục đầu tư tài sản tài chính, gồm: FVTPL, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay, tài sản sẵn sàng để bán và chi phí hoạt động tự doanh.

Chi phí hoạt động dung cấp dịch vụ phản ánh các chi phí có liên quan trực tiếp đến hoạt động cung cấp dịch vụ của Công ty, bao gồm:

- *Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán;*
- *Chi phí nghiệp vụ tư vấn chứng khoán;*
- *Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán;*
- *Chi phí các dịch vụ tài chính khác;*
- *Chi phí dự phòng phải thu khó đòi và xử lý tổn thất phải thu khó đòi về cung cấp dịch vụ chứng khoán.*
- *Chi phí các dịch vụ khác.*

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ****MẪU SỐ B09 - CTCK***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các quy định thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>30/06/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt	259.746	259.746
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động CTCK	12.292.810.633	14.271.722.122
Cộng	<u>12.293.070.379</u>	<u>14.271.981.868</u>

6. GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH THỰC HIỆN TRONG KỲ

	<u>Khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ</u>	<u>Giá trị giao dịch thực hiện trong kỳ</u>
	<u>Cổ phiếu</u>	<u>VND</u>
Của Công ty Chứng khoán		
- Cổ phiếu	5.829.999	34.979.994.000
Của nhà đầu tư		
- Cổ phiếu	51.258.187	848.556.084.200
- Chứng khoán khác	16.240	242.780.400

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ****MẪU SỐ B09 - CTCK***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***7. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH****7.1 Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ**

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND
Cổ phiếu niêm yết	15.437.178.400	12.973.702.690	15.437.178.400	7.856.928.090
TNB	3.293.628.000	807.152.000	3.293.628.000	740.992.000
TIP	11.025.131.479	11.163.090.000	11.025.131.479	6.304.335.000
HMS	1.091.700.000	959.693.000	1.091.700.000	773.005.000
Khác	26.718.921	43.767.690	26.718.921	38.596.090
Cổ phiếu chưa niêm yết	7.116.883.574	7.116.883.574	120.889.574	120.889.574
OCB	6.995.994.000	6.995.994.000	-	-
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Viễn Đông	119.150.000	119.150.000	119.150.000	119.150.000
Khác	1.739.574	1.739.574	1.739.574	1.739.574
Trái phiếu	600.000	600.000	600.000	600.000
DBC	600.000	600.000	600.000	600.000
Cộng	22.554.661.974	20.091.186.264	15.558.667.974	7.978.417.664

7.2 Các khoản phải thu và cho vay

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND
Cho vay margin	34.669.008.506	33.434.705.874	63.763.719.055	62.529.416.423
Cho vay hoạt động ứng trước tiền bán	152.492.976	152.492.976	1.663.150.726	1.663.150.726
	18.632.865.215	6.839.360.486	18.676.234.937	11.861.464.936
Cho vay tài sản tài chính khác	-	-	57.309.559	57.309.559
Các khoản khác	-	-	-	-
Cộng	53.454.366.697	40.426.559.336	84.160.414.277	76.111.341.644

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

MẪU SỐ B09 - CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

7.3 Về tình hình biến động các khoản đầu tư theo nhóm do đánh giá lại theo giá thị trường hoặc theo giá trị ghi sổ (Đối với các khoản đầu tư không có giá trị thị trường) cuối kỳ

STT	Loại TSTC	Cơ sở lập dự phòng kỳ này			Giá trị lập dự phòng năm trước	Mức trích lập hoặc hoàn nhập kỳ này
		Số lượng	Giá sổ sách kế toán	Giá thị trường tại thời điểm lập BCTC	Giá trị lập dự phòng kỳ này	
		VND	VND	VND	VND	VND
I	FVTPL	1.850.497	22.554.661.974	20.091.186.264	2.626.074.395	7.600.180.005
	Cổ phiếu niêm yết	565.170	15.437.178.400	12.973.702.690	2.626.074.395	7.600.180.005
	TNB	132.320	3.293.628.000	807.152.000	2.486.476.000	2.552.636.000
	TIP	401.550	11.025.131.479	11.163.090.000	-	4.720.796.479
	HMS	29.170	1.091.700.000	959.693.000	132.007.000	318.695.000
	Khác	2.130	26.718.921	43.767.690	7.591.395	8.052.526
	Cổ phiếu chưa niêm yết	1.285.321	7.116.883.574	7.116.883.574	-	-
	OCB	1.165.999	6.995.994.000	6.995.994.000	-	-
	Công ty Cổ phần Bảo hiểm Viễn Đông	119.150	119.150.000	119.150.000	-	-
	Khác	172	1.739.574	1.739.574	-	-
	Trái phiếu	6	600.000	600.000	-	-
II	TSTC HTM	-	-	-	-	-
III	TSTC cho vay	-	53.454.366.697	40.426.559.336	13.027.807.361	8.049.072.633
IV	TSTC AFS	-	-	-	-	-
	Cộng		76.009.028.671	60.517.745.600	15.653.881.756	15.649.252.638
						4.629.118

8. DỰ PHÒNG SUY GIẢM GIÁ TRỊ CÁC KHOẢN PHẢI THU

Loại phải thu khó đòi	Giá trị phải thu khó đòi tại 30/06/2019	Số dự phòng đầu kỳ	Số trích lập trong kỳ	Số hoàn nhập trong kỳ	Số dự phòng cuối kỳ	Giá trị phải thu khó đòi tại 01/01/2019
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Dự phòng nợ phải thu khác khó đòi						
Bà Nguyễn Thị Hà Phương	3.385.810.294	3.385.810.294	-	-	3.385.810.294	3.385.810.294
Ông Đặng Vũ Thành	3.722.325.349	3.722.325.349	-	-	3.722.325.349	3.722.325.349
Các đối tượng khác	192.030.314	192.030.314	-	-	192.030.314	192.030.314
Cộng	7.300.165.957	7.300.165.957	-	-	7.300.165.957	7.300.165.957

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ****MẪU SỐ B09 - CTCK***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***9. DỰ PHÒNG SUY GIẢM GIÁ TRỊ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN NHẬN THẾ CHẤP**

	<u>30/06/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Ngắn hạn	15.653.881.756	15.649.252.638
Các tài sản tài chính FVTPL	2.626.074.395	7.600.180.005
- Cổ phiếu	2.626.074.395	7.600.180.005
Các khoản cho vay	13.027.807.361	8.049.072.633
Dài hạn	-	-
Cộng	<u>15.653.881.756</u>	<u>15.649.252.638</u>

10. CÁC KHOẢN PHẢI THU

	<u>30/06/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Phải thu bán các tài sản tài chính	31.156.159.630	56.896.839.630
- Tổng công ty Cổ phần Khoan và dịch vụ Dầu khí (PVD) (*)	23.174.660.630	23.174.660.630
- Công ty cổ phần Tư vấn đầu Tư Hướng Việt	-	25.740.680.000
- Phải thu các đối tượng khác	7.981.499.000	7.981.499.000
Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	288.211.180	12.342.466
- Tiền lãi các tài sản tài chính khác	288.211.180	12.342.466
Cộng	<u>31.444.370.810</u>	<u>56.909.182.096</u>

(*) Khoản phải thu theo hợp đồng chuyển nhượng quyền vốn góp của Công ty ngày 30/12/2008 và Phụ lục hợp đồng số 01 ngày 25/04/2011 về việc chuyển nhượng quyền góp vốn dự án tòa nhà Sailing Tower 51 Nguyễn Thị Minh Khai, quận 1, TP Hồ Chí Minh do Tổng Công ty xây dựng số 1 - CC1 là chủ đầu tư. Theo đó, PVD - bên mua, đồng ý nhận chuyển nhượng quyền góp vốn của VIS vào Dự án trên. Khi đó PVD sẽ được hưởng toàn bộ quyền và lợi ích của VIS theo hợp đồng hợp tác kinh doanh 2006 giữa VIS và Tổng công ty Xây dựng số 1 (CC1). Tại ngày 30/06/2019, PVD còn phải thanh toán cho VIS số tiền là 996.974 USD (tương đương 23.174.660.630 đồng), đồng thời VIS còn phải trả cho CC1 số tiền 16.418.319.982 đồng (xem Thuyết minh số 15). Các bên đã cam kết sau khi tòa nhà Sailing Tower được hoàn công và CC1 hoàn tất các thủ tục pháp lý cần thiết để có đủ cơ sở chuyển nhượng quyền sở hữu diện tích tầng 4 tòa nhà Sailing Tower cho PVD thì VIS sẽ chuyển trả số tiền 16.418.319.982 đồng cho CC1, đồng thời VIS yêu cầu PVD thanh toán số tiền 996.974 USD cho VIS.

Đến thời điểm lập Báo cáo tài chính này, hợp đồng đang trong giai đoạn thực hiện và có hiệu lực pháp lý, các bên đang tiếp tục hoàn tất các thủ tục để thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo hợp đồng đã ký.

11. CÁC KHOẢN PHẢI THU DÀI HẠN

Là khoản tiền 50.700.000.000 đồng đã chuyển cho Công ty Cổ phần Phát triển hạ tầng khu công nghiệp Tây Ninh theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 01112016/HĐHTĐT ngày 01/11/2016 và phụ lục hợp đồng ngày 30/11/2017 về việc đầu tư dự án Cao ốc văn phòng làm việc tại địa chỉ số 120 Hai Bà Trưng, phường Đakao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh. Theo đó, Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam thỏa thuận tham gia góp 13,45% tổng vốn đầu tư của dự án tương ứng với số tiền là 50,7 tỷ đồng, khi dự án hoàn thành Công ty sẽ được chuyển nhượng 13,45% diện tích của dự án để làm trụ sở mà không phải thanh toán bất kỳ một khoản tiền thuê nào khác. Thời hạn của dự án là 48 tháng kể từ ngày khởi công. Hiện tại, Dự án trong giai đoạn triển khai xây dựng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ****MẪU SỐ B09 - CTCK***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***12. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

	<u>30/06/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Trần Thị Thu Nguyệt (*)	15.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Công nghệ cao ALTISSS	-	349.500.000
Trả trước cho người bán khác	86.816.330	232.016.330
Cộng	<u>15.086.816.330</u>	<u>581.516.330</u>

(*) Trả trước cho bà Trần Thị Thu Nguyệt theo Hợp đồng đặt cọc số 03/2019 ngày 27/05/2019, số tiền đặt cọc 15.000.000.000 đồng, thời hạn đặt cọc 60 ngày từ ngày 27/05/2019 đến ngày 26/07/2019, về việc mua bán, chuyển nhượng cổ phần Ngân hàng TMCP Phương Đông (OCB).

13. TÌNH HÌNH TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	<u>Máy móc thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải</u>	<u>Tổng</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2019	25.194.642.500	1.735.659.980	26.930.302.480
Mua trong kỳ	2.379.109.128	-	2.379.109.128
Tại ngày 30/06/2019	<u>27.573.751.628</u>	<u>1.735.659.980</u>	<u>29.309.411.608</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2019	24.776.991.948	1.735.659.980	26.512.651.928
Khấu hao trong kỳ	205.066.057	-	205.066.057
Tại ngày 30/06/2019	<u>24.982.058.005</u>	<u>1.735.659.980</u>	<u>26.717.717.985</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2019	<u>417.650.552</u>	<u>-</u>	<u>417.650.552</u>
Tại ngày 30/06/2019	<u>2.591.693.623</u>	<u>-</u>	<u>2.591.693.623</u>
Nguyên giá TSCĐ hết khấu hao	24.229.547.736	1.735.659.980	25.965.207.716

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ****MẪU SỐ B09 - CTCK***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***14. TÌNH HÌNH TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Phần mềm máy tính	Tổng
	VND	VND
NGUYÊN GIÁ		
Tại ngày 01/01/2019	14.292.792.732	14.292.792.732
Mua trong kỳ	1.290.500.000	1.290.500.000
Tại ngày 30/06/2019	15.583.292.732	15.583.292.732
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Tại ngày 01/01/2019	12.920.761.425	12.920.761.425
Khấu hao trong kỳ	160.582.210	160.582.210
Tại ngày 30/06/2019	13.081.343.635	13.081.343.635
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 01/01/2019	1.372.031.307	1.372.031.307
Tại ngày 30/06/2019	2.501.949.097	2.501.949.097
<i>Nguyên giá TSCĐ hết khấu hao đang sử dụng</i>	<i>12.218.380.882</i>	<i>12.218.380.882</i>

15. TIỀN NỢ QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
Số đầu năm	3.095.484.873	2.608.764.461
Tiền nộp bổ sung trong kỳ	207.028.683	486.720.412
Tiền lãi đã phân bổ trong kỳ	154.995.960	-
Cộng	3.457.509.516	3.095.484.873

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tổng công ty Xây dựng số 1 (*)	16.418.319.982	16.418.319.982
Phải trả nhà cung cấp khác	116.802.800	4.802.800
Cộng	16.535.122.782	16.423.122.782

(*) Khoản phải trả Tổng công ty Xây dựng số 1 (CC1) về việc hợp tác đầu tư và chuyển giao một phần diện tích tòa nhà Sailing Tower theo hợp đồng hợp tác kinh doanh năm 2006 (xem Thuyết minh số 10).

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ****MẪU SỐ B09 - CTCK***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	01/01/2019	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	30/06/2019
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	151.739.524	264.023.905	413.300.447	2.462.982
Thuế thu nhập cá nhân	492.157.005	2.349.844.710	2.305.564.939	536.436.776
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng	643.896.529	2.616.868.615	2.721.865.386	538.899.758
<i>Trong đó:</i>				
- Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	643.896.529			538.899.758

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
Chi phí lãi vay	62.162.269	190.678.462
Chi phí phải trả Sở giao dịch chứng khoán	13.730.739	21.684.045
Chi phí phải trả Frewill	689.353.720	1.010.785.580
Các khoản khác	268.251.368	407.546.133
Cộng	1.033.498.096	1.630.694.220

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ****MẪU SỐ B09 - CTCK***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***19. VAY NGẮN, DÀI HẠN**

	Lãi suất	01/01/2019	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	30/06/2019
		VND	VND	VND	VND
Ngân hàng TMCP Phương Đông	9,4%	22.500.000.000	25.000.000.000	47.500.000.000	-
Vay cá nhân (i)	8% - 9%	19.787.018.842	22.822.260.205	34.309.279.047	8.300.000.000
Cộng		42.287.018.842	47.822.260.205	81.809.279.047	8.300.000.000

- (i) Hợp đồng vay cá nhân kỳ hạn từ 3 tháng đến 6 tháng với lãi suất từ 8% - 9%/năm được quy định cụ thể trên từng hợp đồng, lãi vay được trả cuối kỳ, nếu không có bất cứ thỏa thuận nào khác gốc vay được gia hạn theo kỳ hạn ban đầu, mục đích vay phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ****MẪU SỐ B09 - CTCK***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***20. PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP KHÁC NGẮN HẠN**

	<u>30/06/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Bà Phạm Thị Lan Hương	1.550.000.000	1.550.000.000
Các khoản khác	2.678.547.595	2.873.314.356
Cộng	<u>4.228.547.595</u>	<u>4.423.314.356</u>

21. PHẢI TRẢ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ VỀ DỊCH VỤ CHO CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	<u>30/06/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Phải trả phí môi giới chứng khoán	2.625.979	23.867.309
Phải trả phí lưu ký chứng khoán	142.289.221	-
Cộng	<u>144.915.200</u>	<u>23.867.309</u>

22. PHẢI TRẢ VAY CÔNG TY CHỨNG KHOÁN CỦA NHÀ ĐẦU TƯ**Phải trả vay CTCK của nhà đầu tư**

	<u>30/06/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Phải trả gốc margin	34.669.008.506	63.763.719.055
Phải trả nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán	152.492.976	1.663.150.726
- Phải trả gốc nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán	152.492.976	1.663.150.726
Phải trả các khoản khác	18.632.865.215	18.733.544.496
Cộng	<u>53.454.366.697</u>	<u>84.160.414.277</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ****MẪU SỐ B09 - CTCK***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***23. VỐN CHỦ SỞ HỮU****Tình hình biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	Quỹ DP tài chính và rủi ro nghiệp vụ	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2018	150.000.000.000	335.373.876	357.317.578	4.992.168.282	250.986.516	155.935.846.252
Lãi trong năm	-	-	-	-	586.998.776	586.998.776
Phân phối lợi nhuận	-	12.549.326	12.549.326	125.493.258	(250.986.516)	(100.394.606)
Tại ngày 31/12/2018	150.000.000.000	347.923.202	369.866.904	5.117.661.540	586.998.776	156.422.450.422
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	1.547.929.425	1.547.929.425
Phân phối lợi nhuận (*)	-	29.349.939	29.349.939	-	(58.699.878)	-
Tại ngày 30/06/2019	150.000.000.000	377.273.141	399.216.843	5.117.661.540	2.076.228.323	157.970.379.847

(*) Công ty phân phối lợi nhuận sau thuế theo Nghị quyết đại hội đồng thường niên năm 2019 số 01/2019/NQ-ĐHĐCD ngày 19/04/2019, chi tiết: Trích quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ: 29.349.939 đồng, quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ: 29.349.939 đồng.

Chi tiết vốn chủ sở hữu:

	Tại ngày 30/06/2019		Tại ngày 01/01/2019	
	Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Hướng Việt	90.000.000.000	60%	90.000.000.000	60%
Ông Cao Quế Lâm	15.659.780.000	10%	15.659.780.000	10%
Các đối tượng khác	44.340.220.000	30%	44.340.220.000	30%
Cộng	150.000.000.000	100%	150.000.000.000	100%

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ****MẪU SỐ B09 - CTCK***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***24. THUYẾT MINH MỘT SỐ CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG****24.1. TÀI SẢN TÀI CHÍNH NIÊM YẾT/ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN**

	<u>30/06/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	5.651.720.000	5.650.060.000
Cộng	<u>5.651.720.000</u>	<u>5.650.060.000</u>

24.2. TÀI SẢN TÀI CHÍNH CHƯA LƯU KÝ TẠI VSD CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	<u>30/06/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Cổ phiếu	12.851.790.000	1.191.800.000
Trái phiếu	600.000	600.000
Cộng	<u>12.852.390.000</u>	<u>1.192.400.000</u>

24.3. TÀI SẢN TÀI CHÍNH NIÊM YẾT/ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	<u>30/06/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	1.040.700.140.000	1.174.325.030.000
Tài sản tài chính giao dịch hạn chế chuyển nhượng	16.149.780.000	15.090.720.000
Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	1.824.075.900.000	961.328.030.000
Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	35.970.000	35.970.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	1.081.900.000	4.311.050.000
Cộng	<u>2.882.043.690.000</u>	<u>2.155.090.800.000</u>

24.4. TÀI SẢN TÀI CHÍNH ĐÃ LƯU KÝ TẠI VSD VÀ CHƯA GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	<u>30/06/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	19.598.930.000	19.155.020.000
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng	7.100.000.000	7.100.000.000
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, cầm cố	19.008.390.000	19.008.390.000
Cộng	<u>45.707.320.000</u>	<u>45.263.410.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ****MẪU SỐ B09 - CTCK***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***24.5. TIỀN GỬI CỦA KHÁCH HÀNG**

	<u>30/06/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	33.505.574.818	28.266.930.934
Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	2.908.163.200	4.341.408
Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán	377.872.315	-
Cộng	<u>36.791.610.333</u>	<u>28.271.272.342</u>

24.6. PHẢI TRẢ NHÀ ĐẦU TƯ**Phải trả nhà đầu tư**

	<u>30/06/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Phải trả Nhà đầu tư - Tiền gửi của Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		
- Của Nhà đầu tư trong nước	35.064.940.257	27.000.628.348
- Của Nhà đầu tư nước ngoài	1.348.797.761	1.270.643.994
Cộng	<u>36.413.738.018</u>	<u>28.271.272.342</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ****MẪU SỐ B09 - CTCK***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***25. LÃI BÁN CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH FVTPL**

	Số lượng	Giá bán	Tổng giá trị bán	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch	Lãi bán chứng khoán kỳ này	Lãi bán chứng khoán lũy kế đến kỳ này	Lãi bán chứng khoán kỳ trước
			VND	VND	VND	VND	VND
Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL							
OCB	2.332.000	6.124	14.280.585.600	13.992.000.000	288.585.600	288.585.600	-
Cộng			14.280.585.600	13.992.000.000	288.585.600	288.585.600	-

26. CHÊNH LỆCH GIẢM ĐÁNH GIÁ LẠI CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH FVTPL

Danh mục các loại tài sản tài chính FVTPL	Giá trị mua theo sổ kế toán	Giá thị trường hoặc Giá trị hợp lý	Chênh lệch đánh giá lại kỳ này	Chênh lệch đánh giá lại năm trước	Chênh lệch điều chỉnh sổ kế toán kỳ này
	VND	VND	VND	VND	VND
Loại FVTPL	22.554.661.974	20.091.186.264	2.626.074.395	7.600.180.005	(4.974.105.610)
Cổ phiếu niêm yết	15.437.178.400	12.973.702.690	2.626.074.395	7.600.180.005	(4.974.105.610)
Cổ phiếu chưa niêm yết	7.116.883.574	7.116.883.574	-	-	-
Trái phiếu	600.000	600.000	-	-	-
Loại HTM	-	-	-	-	-
Loại các khoản cho vay và phải thu	53.454.366.697	40.426.559.336	13.027.807.361	8.049.072.633	4.978.734.728
Loại AFS	-	-	-	-	-
Cộng	76.009.028.671	60.517.745.600	15.653.881.756	15.649.252.638	4.629.118

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ****MẪU SỐ B09 - CTCK***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***27. CỔ TỨC, TIỀN LÃI PHÁT SINH TỪ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH**

	Kỳ này	Kỳ so sánh
	VND	VND
Cổ tức nhận được	965.288.100	601.407.685
Cộng	965.288.100	601.407.685

28. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

Chi phí quản lý	Kỳ này	Kỳ so sánh
	VND	VND
Chi phí lương và các khoản khác	2.297.931.645	1.795.127.921
BHXX, BHYT, BHTN, KPCĐ	255.187.182	233.766.044
Chi phí vật tư văn phòng	11.475.000	11.893.037
Chi phí công cụ, dụng cụ	93.167.948	63.488.460
Chi phí khấu hao TSCĐ	365.648.267	191.644.058
Thuế, phí và lệ phí	153.217.653	232.529.283
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.833.453.998	1.974.675.248
Chi phí khác	349.365.759	440.525.555
Cộng	5.359.447.452	4.943.649.606

29. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Kỳ này	Kỳ so sánh
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	1.547.929.425	(3.304.536.606)
Các khoản điều chỉnh:	(965.288.100)	(226.136.891)
Trừ: Thu nhập từ cổ tức	965.288.100	601.407.685
Cộng: Chi phí không được trừ	-	375.270.794
Thu nhập chịu thuế	582.641.325	(3.530.673.497)
Chuyển lỗ (*)	(582.641.325)	-
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-

(*) Công ty thực hiện chuyển lỗ của Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Dương (đơn vị đã hợp nhất với Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam vào năm 2014).

30. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Kỳ này	Kỳ so sánh
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.547.929.425	(3.304.536.606)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	1.547.929.425	(3.304.536.606)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	15.000.000	15.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	103	(220)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ****MẪU SỐ B09 - CTCK***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***31. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN****Công ty có giao dịch với bên liên quan sau:**

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Hướng Việt	Cổ đông nắm giữ 60% vốn điều lệ
Ông Ninh Quang Hải	Thành viên Hội đồng quản trị
Bà Nguyễn Thanh Thủy	Thành viên Hội đồng quản trị
Ông Dương Kỳ Hiệp	Tổng Giám đốc
Ông Vũ Hoàng Minh	Phó Tổng Giám đốc

Số dư với các bên liên quan

	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
Phải thu bán các tài sản tài chính		
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Hướng Việt	-	25.740.680.000
Tạm ứng		
Ông Dương Kỳ Hiệp	2.641.030.000	2.000.040.000
Ông Vũ Hoàng Minh	2.850.010.000	2.936.000.000
Vay ngắn hạn		
Ông Ninh Quang Hải	2.000.000.000	2.050.000.000
Bà Nguyễn Thanh Thủy	-	2.200.000.000

Giao dịch với các bên liên quan

	Kỳ này	Kỳ so sánh
	VND	VND
Doanh thu		
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Hướng Việt (Hợp đồng hợp tác đầu tư)	468.493.151	-

32. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019.

33. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ là số liệu trên báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 đã được kiểm toán. Số liệu so sánh trên báo cáo kết quả hoạt động riêng giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ là số liệu trên báo cáo tài chính riêng cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018 đã được soát xét.

*Hà Nội, ngày 07 tháng 08 năm 2019***Người lập****Kế toán trưởng****Tổng Giám đốc****Nguyễn Thị Hương Ly****Nguyễn Quỳnh Mai****Dương Kỳ Hiệp**